

Bản án số: 57/2017/HSST
Ngày 13/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Trịnh Thị Tuyên** và ông **Nguyễn Hạ Tuấn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** -CBTA

Đại diện VKSND huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Khuyển**- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2017/ HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ L , sinh năm 1991; STQ: Thôn H.D, xã S.C, huyện U.H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; Con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị N; chồng là Lê Mạnh C, có 2 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Ông **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1967. Có mặt

Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1971. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn T.D, xã C.T, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Phòng Bảo hiểm xã hội huyện Ứng Hòa - Đại diện theo pháp luật là bà **Lê Thị M N** (có mặt)

- Chị **Trần Thị N1**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Trú tại: Số nhà 129, phố L.L, TT V.Đ, huyện U.H, Hà Nội.

- Chị **M2**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại: Số 95 phố N.T.H, TT V.Đ, huyện U.H, Hà Nội.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà truy tố về hành vi phạm tội như sau: Năm 2015, Nguyễn Thị L thông qua mối quan hệ với gia đình nhà chồng biết được ông Nguyễn Tiến T là công nhân Công ty Sông Đà do mắc bệnh suy thận được Công ty cho về nghỉ chờ làm chế độ hưu trí từ năm 2005, có nhu cầu làm hồ sơ hưởng chế độ hưu trí, thẻ bảo hiểm y tế theo chế độ hưu trí để dùng chạy thận nhân tạo. L nói với ông T và người nhà là có người quen làm ở Bảo hiểm xã hội (BHXH) huyện Ứng Hoà, có thể nhờ làm chế độ cho ông T. Do tin tưởng L nên khoảng tháng 4 năm 2015, ông T đã đưa

toàn bộ giấy tờ, sổ bảo hiểm liên quan đến quá trình công tác của bản thân để L làm giúp chế độ. Sau khi nhận hồ sơ của ông T, khoảng tháng 9/2015 L hỏi chị Nguyễn Như Q – SN: 1989 ở V.N, L.B, U.H (là người quen của L), làm ở BHXH huyện Ứng Hoà thì được biết hồ sơ của ông T không đủ điều kiện (lý do chưa đủ tuổi). L đã cất giữ hồ sơ mà không đưa trả lại ông T. Khi ông T và người nhà hỏi thì L nói đã đưa hồ sơ nhờ chị Nguyễn Thị Thu H ở BHXH huyện Ứng Hoà làm giúp. Đến tháng 10/2015, do bảo hiểm y tế của ông T hết hạn, ông T hỏi L đã làm được chế độ chưa, L nói đang nhờ làm. Sau đó, L xuống BHXH huyện Ứng Hoà mua cho ông T một thẻ bảo hiểm y tế tự nguyện, đồng thời thông báo cho vợ chồng ông T chuẩn bị đưa cho L 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) để L đi nhờ làm hồ sơ. Cuối tháng 10/2015, L cùng bà Lê Thị M (vợ ông T) đến BHXH huyện Ứng Hoà để lấy thẻ bảo hiểm cho ông T. Đến cổng BHXH huyện Ứng Hoà, L bảo bà Minh đưa cho L 5.000.000đ để L đi nhờ người giúp. Bà Minh đưa cho L 5.000.000đ, L cầm tiền đi vào trong BHXH nhưng không đưa tiền cho ai mà quay ra nói với bà Minh là đã đưa tiền. Sau đó, chị Q ra đưa cho bà M 01 thẻ bảo hiểm y tế của ông T nhưng là thẻ bảo hiểm y tế tự nguyện. Ông T và bà M có hỏi thì L nói thẻ theo chế độ chưa làm xong. Đến khoảng tháng 5/2016, L gọi điện cho vợ chồng ông T, bà M chuẩn bị cho L hai phong bì tổng là 3.000.000đ (01 phong bì 2.000.000đ và 01 phong bì 1.000.000đ) và 02 gói bánh để L đi nhờ người giúp. Sau đó, L đến nhà ông T bà M lấy tiền và tiêu sài cá nhân hết. Do chờ đợi lâu nên gia đình ông T liên tục hỏi L về việc làm hồ sơ chế độ. Để che giấu việc không làm hồ sơ và để cho ông T tin là L đang nhờ làm chế độ, L đến cửa hàng đánh máy thuê của chị M2 - SN: 1979 ở N.T.H, thị trấn V.Đ thuê đánh 01 tờ giấy Phiếu trả kết quả, nội dung L tự nghĩ ra và trả chị M2 10.000đ. Sau đó, L đã giả chữ ký của cán bộ BHXH Ứng Hoà là chị Nguyễn Thị Thu H và gửi cho ông T. Đến tháng 11/2016, L tiếp tục thông báo cho vợ chồng ông T là hồ sơ đã xong và yêu cầu vợ chồng ông T đưa cho L 5.000.000đ để đi cảm ơn. Do hôm đó ông T phải đi chạy thận nên hẹn gặp L ở Cầu Lão và đưa 5.000.000đ cho L. Tổng số tiền 03 lần L chiếm đoạt của vợ chồng ông T là 13.000.000đ, L đó tiêu sài cá nhân hết.

Sau đó, do không thấy L đưa hồ sơ và sổ bảo hiểm nên gia đình ông T tiếp tục hỏi, giục và nói nếu L không làm thì mang trả lại hồ sơ. L lo sợ việc bản thân đã lấy tiền của ông T mà không làm hồ sơ sẽ bị lộ, L nghĩ ra cách làm giả các giấy tờ của BHXH huyện Ứng Hoà gồm 07 giấy mời, 01 phiếu tiếp nhận hồ sơ và 01 thư tay xin lỗi. Cụ thể như sau:

Lần một: Khoảng cuối tháng 11/2016, L đến quán photocopy của chị Trần Thị N1 - SN: 1968 ở số 129 phố L.L, thị trấn V.Đ, Ứng Hoà thuê chị N1 làm 03 giấy mời, trong đó: 02 giấy mời đề người nhận là ông Nguyễn Tiến T đề ngày 21 và 25/11/2016 và 01 giấy mời đề người nhận là ông Lê Xuân K (bố vợ ông T) đề ngày 25/11/2016. Cụ thể: L mang theo 01 tờ giấy mời có dấu đỏ của BHXH huyện Ứng Hoà và chữ ký của bà Lê Thị M N – giám đốc BHXH

huyện Ứng Hoà (do một lần đến BHXH huyện Ứng Hoà L nhận được). L thuê chị N1 làm cho L tờ giấy mời giống tờ giấy mời L mang tới. Tuy nhiên, nội dung thì mời ông Nguyễn Tiến T, các nội dung khác do L đọc cho chị N1 đánh máy. Sau đó, chị N1 tạo thành một giấy mời như L yêu cầu rồi ken dấu của BHXH và chữ ký của bà N từ tờ giấy mời L mang đến và in vào mẫu giấy mời vừa tạo ra, thành giấy mời và trả chị N1 50.000đ. Sau khi làm được 03 giấy mời trên, L mang về đưa cho ông T.

Lần 2: Cũng với phương thức làm giả các giấy mời như lần 01. Vào khoảng đầu tháng 12/2016, L tiếp tục đến quán photocopy nhà chị Trần Thị N1 thuê chị N1 làm 04 giấy mời nhưng để trống phần tên người nhận và ngày tháng năm. Ngoài ra, L cũng mang theo 01 phiếu hẹn trả kết quả của BHXH huyện Ứng Hoà và thuê chị N1 làm theo mẫu này, nội dung L đọc cho chị N1, phần cuối giấy có tên của cán bộ tiếp nhận hồ sơ của BHXH Ứng Hoà. Trong quá trình làm các giấy tờ trên cho L, chị N1 có in thử mẫu dấu của BHXH huyện Ứng Hoà và chữ ký của bà Lê Thị M N ra một trang giấy trắng A4 để điều chỉnh màu cho phù hợp. Khi chị N1 làm xong, L cầm toàn bộ các giấy tờ trên và trả chị N1 50.000đ. Sau đó, L vào hiệu sách nhân dân mua bút, sách và gặp chị Lương Thị M3 – SN: 1980 ở N.X, P.T, U.H – là nhân viên bán sách của cửa hàng. L nói với chị M3 do chữ xấu nên nhờ chị viết hộ. Tại đây, L nhờ chị M3 viết hộ 02 giấy mời đề ngày 29/11/2016, người nhận là ông Nguyễn Tiến T và ông Lê Minh K đồng thời, L dùng tờ giấy A4 có dấu của BHXH và chữ ký của bà N do chị N1 in ra nhờ chị M3 viết hộ thư tay, nội dung do L đọc cho chị M3 viết bằng mực màu xanh. Còn lại 02 giấy mời sau khi chị thuê chị N1 làm, L ra quán nước đường vào khu vực Trung tâm thương mại thị trấn V.Đ và làm quen với một phụ nữ trung tuổi và nhờ người phụ nữ này viết hộ vào giấy mời người nhận là ông Nguyễn Tiến T và ông Lê Minh K đề ngày 02/12/2016 viết bằng mực màu xanh. Sau khi làm giả toàn bộ các giấy tờ trên, L đến nhà đưa cho ông Nguyễn Tiến T với mục đích che dấu cho hành vi đó lừa dối ông T lấy tiền tiêu sài và để vợ chồng ông T nghĩ rằng mình đã và đang nhờ làm hồ sơ chế độ hưu cho ông T. Ông T và gia đình đã mang toàn bộ giấy tờ L gửi cho đến BHXH Ứng Hoà để hỏi thì được BHXH huyện Ứng Hoà cho biết BHXH Ứng Hoà không nhận làm hồ sơ chế độ của ông và toàn bộ các giấy tờ trên có dấu và chữ ký của giám đốc BHXH huyện Ứng Hoà là giả. Đồng thời, BHXH Ứng Hoà có Công văn gửi Cơ quan CSĐT – Công an huyện Ứng Hoà để làm rõ, xử lý. Tháng 12/2016, L mang toàn bộ hồ sơ trả lại ông Nguyễn Tiến T.

Ngày 03/02/2017, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Ứng Hoà ra Quyết định trưng cầu giám định số 46 gồm: 07 giấy mời, 01 thư tay xin lỗi, 01 phiếu tiếp nhận hồ sơ, 01 giấy hẹn trả kết quả cùng các tài liệu có liên quan thu thập được.

Tại kết luận giám định số 2414/KLGD – PC54 ngày 21/4/2017 của Phòng PC54 – Công an thành phố Hà Nội kết luận: - *Hình dấu tròn BHXH*

huyện Ứng Hoà và chữ ký đứng tên Lê Thị M N, 07 giấy mời, tài liệu viết trên giấy A4 có nội dung: “gửi anh chị Minh T ..vậy mong anh chị thông cảm..”, là hình dấu, chữ ký giả, được in bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

- Hai người có mẫu chữ ký viết trên bản tường trình và cam đoan, đứng tên Nguyễn Thị Thu H, đề ngày 24/01/2017, Bản tường trình mang tên Nguyễn Thị L đề ngày 24/01/2017 không viết ra chữ có nội dung: “gửi anh chị Minh T ... vậy mong anh chị thông cảm ...”.

- Tờ phiếu hẹn trả kết quả, không đề ngày có chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu H và chữ ký trên bản tường trình và cam đoan đề ngày 24/01/2017, không đủ cơ sở giám định.

Cáo trạng số 53/CT -VKS ngày 02/8/2017, Viện trưởng VKSND huyện Ứng Hoà truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Nguyễn Thị L thừa nhận hành vi như Cáo trạng đó nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm h, l, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 30 tháng tù đến 39 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo L phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến T, bà Lê Thị M 13.000.000đ. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của KSV, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác .

XÉT THẤY

Tại phiên toà bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, những người làm chứng; vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Năm 2015 do muốn có tiền tiêu sài cá nhân, lợi dụng lòng tin của vợ chồng ông Nguyễn Tiến T, L đã nói dối vợ chồng ông T là có thể nhờ người làm sớm được chế độ hưu và thẻ bảo hiểm chế độ hưu cho ông T. Vợ chồng ông T đã tin tưởng L và đưa toàn bộ giấy tờ nhờ L làm giúp. Thông qua đó L đã 3 nói dối với vợ chồng ông T là phải đưa tiền để chi phí cho người làm giúp để lấy của vợ chồng ông T

13.000.000đ để tiêu sài cá nhân. Sau đó để che giấu cho hành vi phạm tội của mình trong khoảng thời gian cuối tháng 11/2016 và đầu tháng 12/2016 L đã 2 lần đến cửa hàng photocopy của chị Trần Thị N1 ở 129 L.L, thị trấn V.Đ, Ứng Hòa, Hà Nội thuê chị N1 làm giả giấy mới và ken dấu cũng như chữ ký của bà Lê Thị M N là giám đốc BHXH huyện Ứng Hòa để đưa cho ông T. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” với tình tiết định khung phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS. Cáo trạng truy tố bị cáo và tội danh nói trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan, tổ chức, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cho bị cáo thì thấy: Bị cáo đã 3 lần thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông T (mỗi lần đều lớn hơn 2 triệu đồng) vì vậy cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 đối với bị cáo. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), bản thân bị cáo mới sinh con được 6 tháng tuổi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đối với chị Trần Thị N1, là người mà L thuê làm các giấy tờ của BHXH huyện Ứng Hoà, chị N1 không biết việc L sử dụng các giấy tờ trên vào việc che giấu hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông T và lừa dối ông T việc đã nhờ làm hồ sơ. Khi làm các giấy tờ trên, chị N1 nghĩ đó chỉ là các giấy mời thông thường, không ảnh hưởng gì nên đã làm thuê cho L để hưởng công. Do vậy, hành vi của chị Trần Thị N1 không đồng phạm với Nguyễn Thị L về hai tội danh trên. Tuy nhiên, hành vi trên của chị Trần Thị N1 đó vi phạm vào khoản 4, điều 9 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; điểm c khoản 6 Điều 24 Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Ứng Hoà đã đề nghị Chủ tịch UBND huyện Ứng Hoà ra quyết định xử phạt hành chính đối với Trần Thị N1. Ngày 17/7/2017, UBND huyện Ứng Hoà ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1577/QĐ-XPVPHC đối với Trần Thị N1 là có căn cứ.

- Đối với chị M2 đã giúp L đánh tờ giấy hẹn và chị Lương Thị M3 đã viết giúp L vào các tờ giấy mời. Khi làm việc trên, do L thuê và nhờ nên cả hai chị không biết được mục đích làm giả các giấy tờ trên của L. Do vậy cả hai chị M2,3 đều không có lỗi, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ứng Hoà không xem xét xử lý là có căn cứ.

- Đối với người phụ nữ viết hộ L vào hai tờ giấy mời ngày 02/12/2017 L khai nhận là một phụ nữ không quen biết, khoảng trung tuổi ở quán nước đường vào trung tâm thương mại. Do vậy, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Ứng Hoà không có đủ căn cứ xác minh làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông T, bà M số tiền 13.000.000đ

Về án phí, quyền kháng cáo : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo Điều 99 BLTTHS và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 231; 234 BLTTHS;

Bồi những lễ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội: “**Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức**” và “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” .

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; khoản 1 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm h, l, p, l khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 BLHS.

Xử phạt Nguyễn Thị L **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” và **06 (sáu)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là **30 (Ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Thị L phải bồi thường cho ông Nguyễn Tiến T và bà Lê Thị M số tiền 13.000.000đ (**Mười ba triệu đồng**).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được yêu cầu có đơn đề nghị thi hành án, bị cáo còn phải chịu lãi suất phát sinh trên số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Áp dụng Điều 99 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ (**Hai trăm nghìn đồng**) án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đ (**Sáu trăm năm mươi nghìn đồng**) án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 231, 234 BLTTHS: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú. Người có quyền lợi liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND, Công an, Cơ quan T.H.A huyện Ứng Hoà;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh